

Số: 1887/2020/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 115/2020/TLST-DS ngày 13/02/2020 về việc “Đòi lại tài sản (Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất) và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng nhà đất”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Ôn Thanh X**, sinh năm 1979

Địa chỉ: 282 đường G, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà X: Ông **Huỳnh Khắc T**, sinh năm 1976.
Địa chỉ: 357/1A Đường A, Phường Z, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 17/6/2019)

Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1965

Địa chỉ: 224 Đường C, khu phố N, phường X A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1970

Địa chỉ: 179 Đường C, khu phố N, phường X A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà T1, ông V: Ông **Trần Ngọc V1**, sinh năm 1987. Địa chỉ: 517 (tầng lửng) Đường L, phường H, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 10/4/2019)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1955, chết ngày 21/9/2019

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà P:

- Ông **Nguyễn Hữu H**, sinh năm 1971 (con)

- Bà **Nguyễn Thị Tuyết B**, sinh năm 1973 (con)

- Bà **Nguyễn Thị Hồng V2**, sinh năm 1975 (con)

- Ông **Nguyễn Hữu M**, sinh năm 1977 (con)

Cùng địa chỉ: 33/12 Đường Q, phường M, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1957

Địa chỉ: 6435 WLV, NV 89103-2157, USA

Người đại diện hợp pháp của bà P: Bà **Ôn Thanh X**, sinh năm 1979 (Văn bản ủy quyền ngày

3. Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1968

Địa chỉ: 179/50/25 Đường O, Phường G, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông **Nguyễn Văn B1**, sinh năm 1974

Địa chỉ: 179 Đường C, khu phố N, phường X A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1964

Địa chỉ: 179/06 Đường C, phường X A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà **Phạm Ngọc T2**, sinh năm 1996

Địa chỉ: 4/13 Đường C, khu phố N, phường X A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà **Nguyễn Thị D1**, sinh năm 1962

8. Bà **Nguyễn Ngọc T3**, sinh năm 1996

Bà Dung, bà Trinh cùng địa chỉ: 42 đường 18, phường X A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Bà **Đào Thị H1**, sinh năm 1974

Địa chỉ: 25 đường 4, phường X A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1963

Địa chỉ: xã E, huyện P, tỉnh U.

11. **Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) – Phòng Giao dịch K.**

Địa chỉ: 139 đường S, phường F, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn B1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị P (em) xác định nhà ở, đất ở tại địa chỉ số 177 Đường C, khu phố N, phường X A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD9048532 vào Sổ số GCN:H02826/BHHA của UBND Quận Y cấp ngày 06/3/2006, đăng ký thay đổi chủ sở hữu ngày 04/5/2006 là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Ôn Thanh X.

2. Ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị T1 chịu trách nhiệm chấm dứt hợp đồng thuê mặt bằng tại nhà, đất số 177 Đường C, khu phố N, phường X A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh với bà Nguyễn Thị L, bà Lâm Thị H4 và cùng với bà L, bà H4 tự di dời tài sản (nếu có) ra khỏi nhà để trả lại hiện trạng nhà, đất cho bà Ôn Thanh X.

3. Ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị T1 rút yêu cầu phản tố và không tranh chấp về Hợp đồng đặt cọc mua bán một phần nhà, đất (phía trước) số 177 Đường C, khu phố N, phường X A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; có diện tích 4m x 18m giữa bà Ôn Thanh X và cụ Phùng Thị C1.

4. Bà Ôn Thanh X tự nguyện hỗ trợ tiền cho các ông bà là con, cháu của cụ Phùng Thị C1, số tiền cụ thể như sau: Ông Nguyễn Hữu M, số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Bà Nguyễn Thị P (em), số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Bà Nguyễn Thị D, số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Bà Nguyễn Thị T1, số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Bà Nguyễn Thị D1 và Nguyễn Ngọc T3, số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Ông Nguyễn Văn S, số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Ông Nguyễn Văn V, số tiền 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng. Bà Phạm Ngọc T2, số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Ông Nguyễn Văn B1, số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Tổng cộng 1.100.000.000 (Một tỷ một trăm triệu) đồng. Việc giao nhận nhà và tiền giữa các đương sự thực hiện cùng lúc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

Sau khi nhận tiền, các đương sự có tên nêu trên cam kết không tranh chấp liên quan đến căn nhà, đất số 177 Đường C, khu phố N, phường X A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Ông Nguyễn Hữu M chịu trách nhiệm chia số tiền được nhận cho các người con bà Nguyễn Thị P (chị) nếu họ có yêu cầu đòi.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng x 50% = 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn V phải chịu'', nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trả lại tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Ôn Thanh X đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0008361 ngày 12/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trả lại tiền tạm ứng án phí 56.700.000 (Năm mươi sáu triệu bảy trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0013563 ngày 22/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y,TPHCM;
- Dương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Nhung

